

QU CH I

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM

cl p - T do - H nh phúc

Ngh quy t s : 18/2011/QH13

Hà N i, ngày 25 tháng 11 n m 2011

NGH QUY T

**V k t thúc vi c th c hi n Ngh quy t s 08/1997/QH10 và Ngh quy t s 73/2006/QH11
v d án tr ng m i 5 tri u ha r ng**

QU CH I

N C C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM

*C n c Hi n pháp n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam n m 1992 ã c s a
i, b sung m t s i u theo Ngh quy t s 51/2001/QH10;*

*C n c Ngh quy t s 08/1997/QH10 v D án tr ng m i 5 tri u ha r ng v à Ngh quy t
s 73/2006/QH11 v i c i u ch nh ch tiêu, nhi m v c a D án tr ng m i 5 tri u ha r ng
giai o n 2006-2010;*

*Trên c s xem xét Báo cáo s 128/BC-CP ngày 09 tháng 8 n m 2011 c a Chính ph ,
Báo cáo s 243/BC-CP ngày 26 tháng 10 n m 2011 c a Chính ph , Báo cáo th m tra s
74/BC-UBKHCNMT13 ngày 24 tháng 10 n m 2011 c a y ban Khoa h c, Công ngh v à Môi
tr ng c a Qu c h i và ý ki n c a các v i bi u Qu c h i;*

QUY T NGH :

i u 1.

Qu c h i ghi nh n D án tr ng m i 5 tri u ha r ng ã c b n hoàn thành các m c tiêu
theo Ngh quy t s 08/1997/QH10 c a Qu c h i khóa X và các ch tiêu, nhi m v ã c
i u ch nh theo Ngh quy t s 73/2006/QH11 c a Qu c h i khóa XI; nh ng k t qu t c,
nh ng t n t i, h n ch và nguyên nhân c a nh ng t n t i, h n ch trong vi c th c hi n D án.

i u 2.

K t thúc vi c th c hi n Ngh quy t s 08/1997/QH10 v à Ngh quy t s 73/2006/QH11
c a Qu c h i v D án tr ng m i 5 tri u ha r ng.

Giao Chính ph xây d ng và t ch c th c hi n k ho ch b o v và phát tri n r ng giai
o n 2011 - 2020 theo c ch ch ng trình m c tiêu qu c gia và h ng n m báo cáo Qu c h i
v tình hình th c hi n.

i u 3.

Chính ph t ch c th c hi n m t s nhi m v tr ng tâm sau ây:

1. Kh n tr ng hoàn thành vi c quy t toán và ki m toán D án tr ng m i 5 tri u ha
r ng theo quy nh c a pháp lu t;

2. B o v t t di n tích r ng hi n có, t ng che ph v à nâng cao ch t l ng r ng. Có
gi i pháp t ng th gi i quy t tình tr ng cháy r ng, ch t phá, khai thác và s d ng r ng trái
pháp lu t; tr c m t ti p t c th c hi n chính sách h tr l ng th c cho ng bào mi n núi
kh c ph c n n t phá r ng làm n ng r y. L ng ghép vi c th c hi n k ho ch b o v và

phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội, chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng;

3. Bảo đảm kinh phí cho việc bảo vệ và phát triển rừng, ưu tiên cho các xã vùng biên giới, ven biển; tăng mức khoán bảo vệ, khoán nuôi tái sinh rừng; tăng mức đầu tư cho trồng rừng phòng hộ, rừng chắn gió và hệ thống rừng sản xuất địa bàn khó khăn. Có chính sách ưu đãi vay vốn tín dụng trồng rừng sản xuất; giảm quy trình làm, thủ tục liên quan khi Nhà nước thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất lâm nghiệp; phát triển thị trường lâm sản và công nghiệp chế biến lâm sản;

4. Nghiên cứu quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp; rà soát và có giải pháp lý giải việc nhúng đất tích rừng giao, cho thuê bảo đảm nhu cầu trồng rừng của người dân địa phương. Nhanh tiến giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp;

5. Hoàn thiện mô hình quản lý rừng theo chức năng tác dụng rừng; ban hành các quy định khai thác gỗ theo phương án quản lý rừng bền vững. Có chính sách bảo vệ cho người dân có rừng chắn gió chắn cát ven biển, bảo vệ môi trường, cảnh quan, đa dạng sinh học và rừng đầu nguồn cho người trồng rừng;

6. Khuyến khích nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong trồng rừng, quản lý rừng, khai thác, chế biến lâm sản làm gia tăng giá trị sản phẩm lâm nghiệp;

7. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển nông nghiệp và xác nhận giá rừng, ưu tiên là xác nhận giá rừng chắn gió, rừng phòng hộ chắn khi chuyển sang rừng sản xuất hoặc chuyển mục đích sử dụng khác tránh lãng phí, thất thoát tài nguyên rừng;

8. Tăng cường công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

ĐIỀU 4.

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quy định của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2011.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Nguyễn Sinh Hùng